

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 3 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện

2. Bà Nguyễn Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 1653/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987; trú tại: 3/122B khu phố B, phường B1, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đặng Công T, sinh năm 1986; HKTT: Thôn Đ, xã A, huyện P, tỉnh G; tạm trú: 90 khu phố Đ, phường L, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt lần hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Đặng Công T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân B1, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2008, cấp ngày 14/01/2008.

Về con chung: Bà N và ông T có 01 người con chung tên Đặng Nguyễn Đăng N, sinh ngày 30/8/2008.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Ngoài ra, ông T còn có mối quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến gia đình, không chăm lo nuôi dạy con cái, thường xuyên gọi điện thoại chửi mắng làm cho bà N cảm thấy áp lực. Vợ chồng nhiều lần tạo cơ hội để đoàn tụ nhưng không thành, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà Nhung khởi kiện yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Công T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Nguyễn Đăng N, sinh ngày 30/8/2008. Không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Đặng Công T đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt lần hai đối với việc xét xử.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đặng Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản xác minh ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An do Công an phường B cung cấp thể hiện bị đơn ông Đặng Công T có đăng ký tạm trú và sinh sống tại địa chỉ 90 khu phố Đ, phường L, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Đặng Công T xác lập mối quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân B1, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyền số 01/2008, cấp ngày 14/01/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Công T với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm lo cho gia đình và thường gọi điện thoại chửi mắng bà N nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà N và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông T.

[4.2] Về con chung: Bà N yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Nguyễn Đăng N, sinh ngày 30/8/2008. Xét bà N là người trực tiếp quan tâm, chăm sóc con từ nhỏ cho đến nay. Bà N chăm sóc con tốt nên cháu N phát triển bình thường, khỏe mạnh và học hành đầy đủ và nguyện vọng của cháu được sống cùng với mẹ. Hiện bà N đang buôn bán nhỏ tại nhà, thu nhập trung

bình hàng tháng là 10.000.000 đồng nên giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của bé, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

[4.3] Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của bà N nên ghi nhận.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N đối với ông Đặng Công T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Đặng Công T.

- Về con chung: Giao con chung tên Đặng Nguyễn Đăng N, sinh ngày 30/8/2008 cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu ông Đặng Công T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc

cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0036443 ngày 19/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THA thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- UBND phường B1, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Thủy